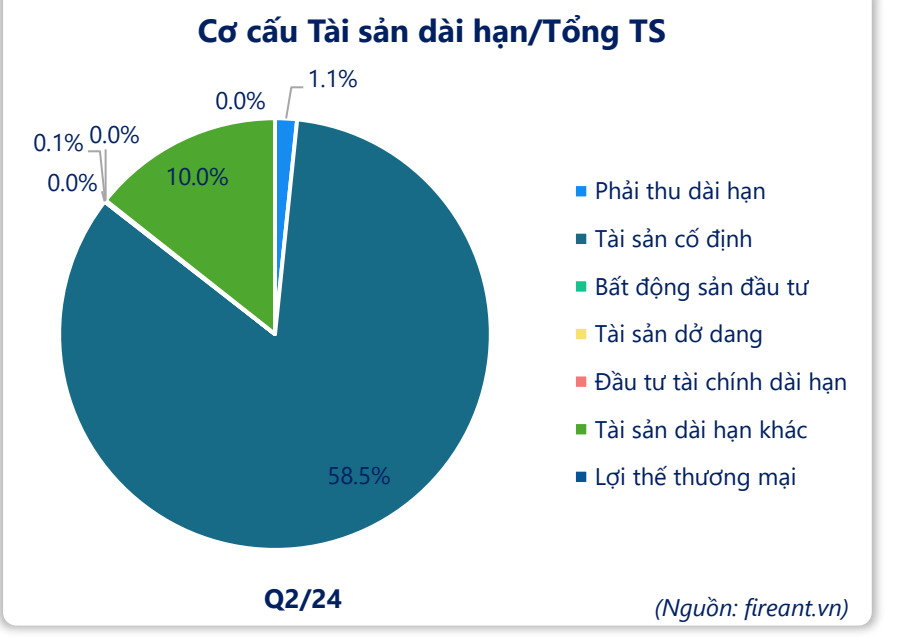
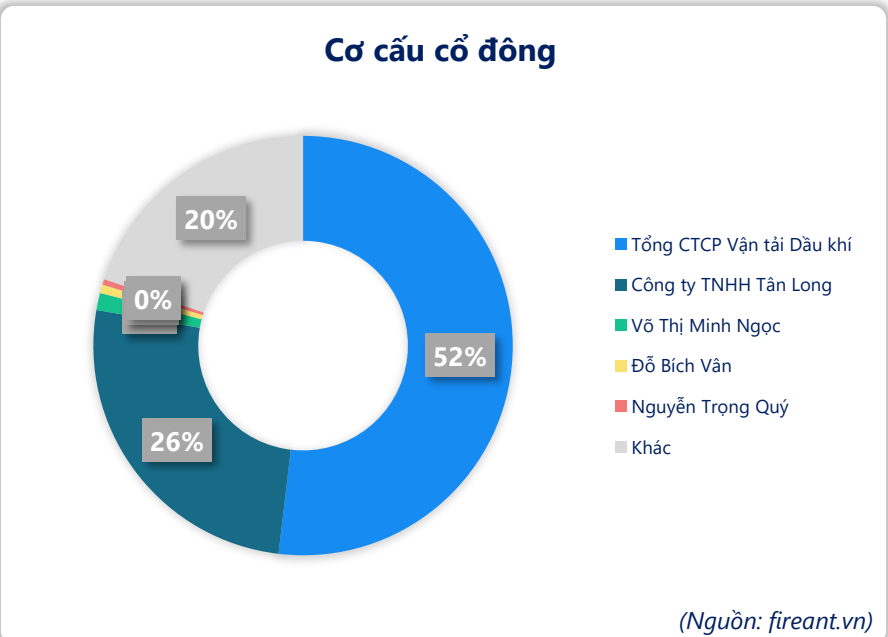
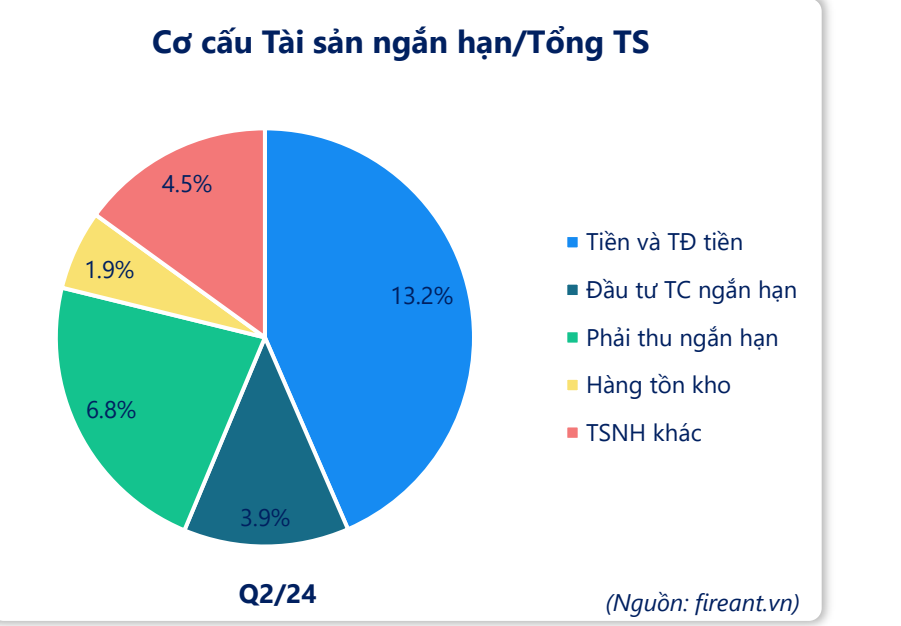
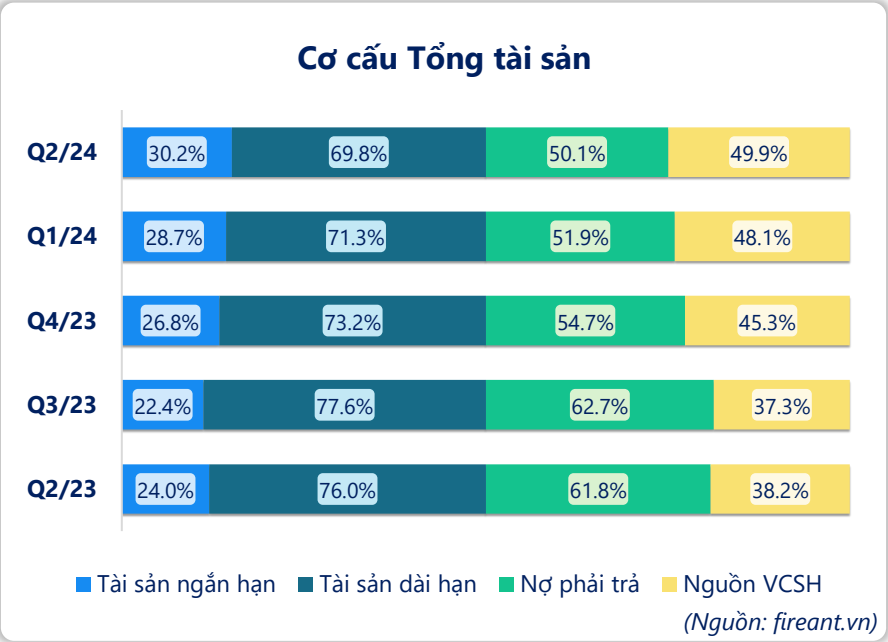
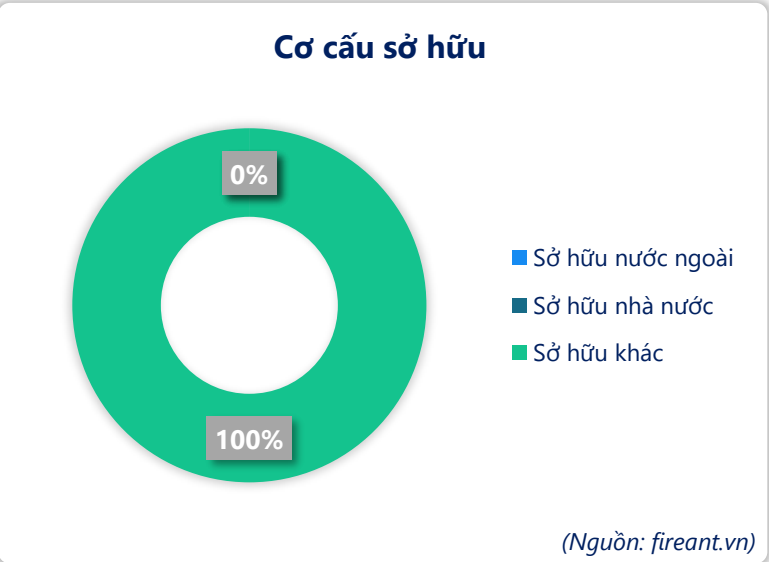
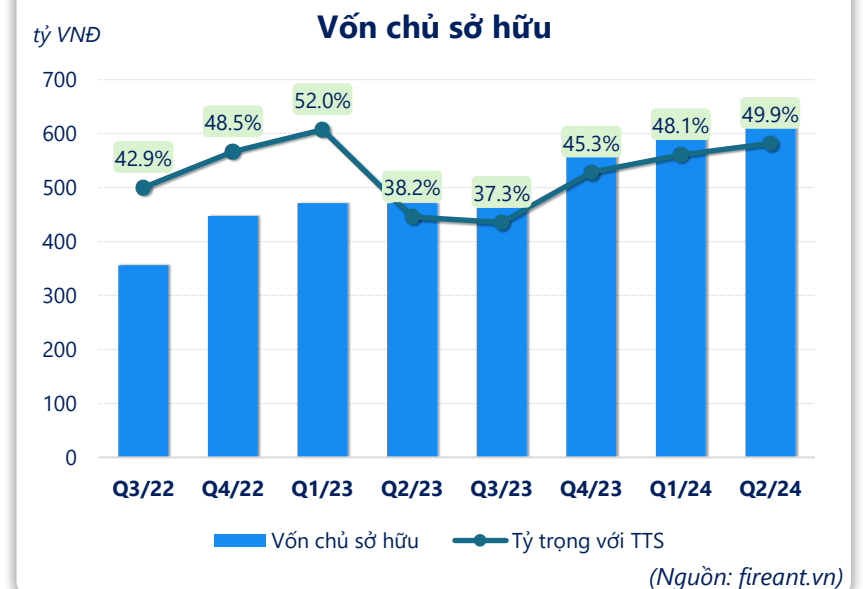
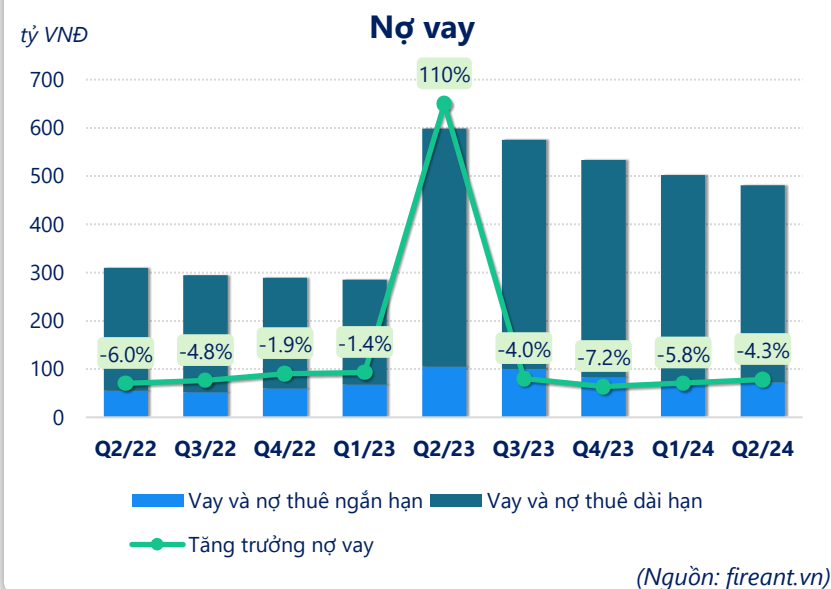
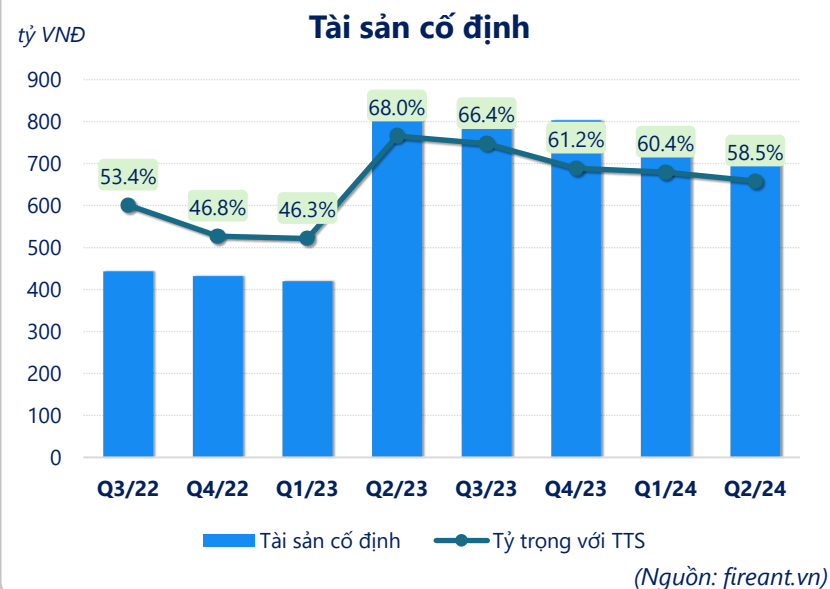
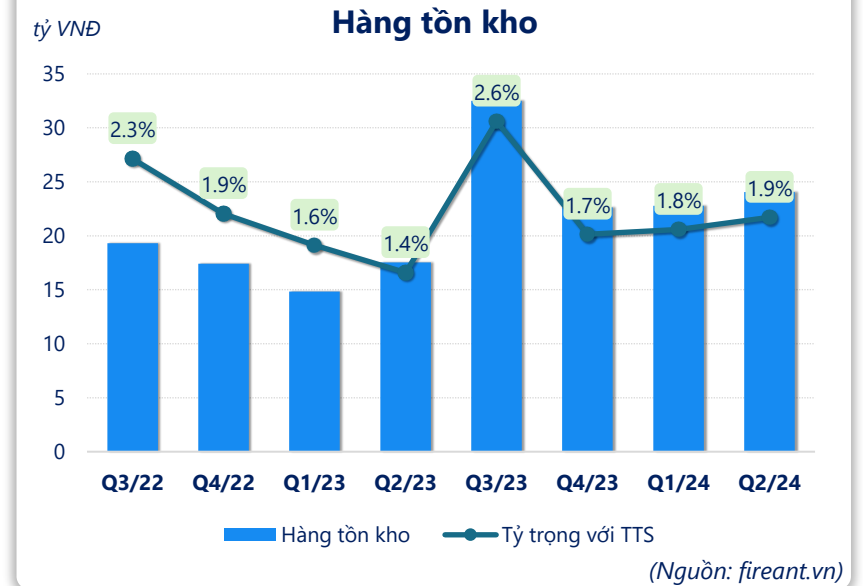
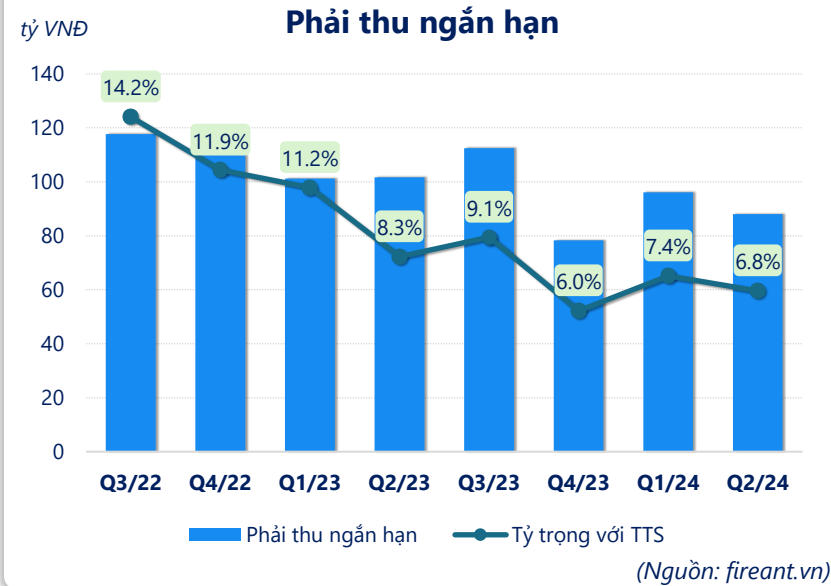
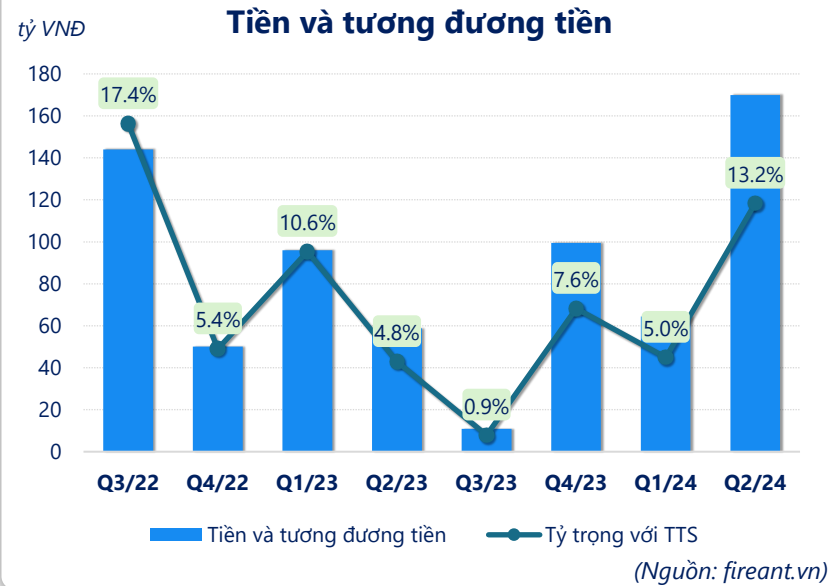
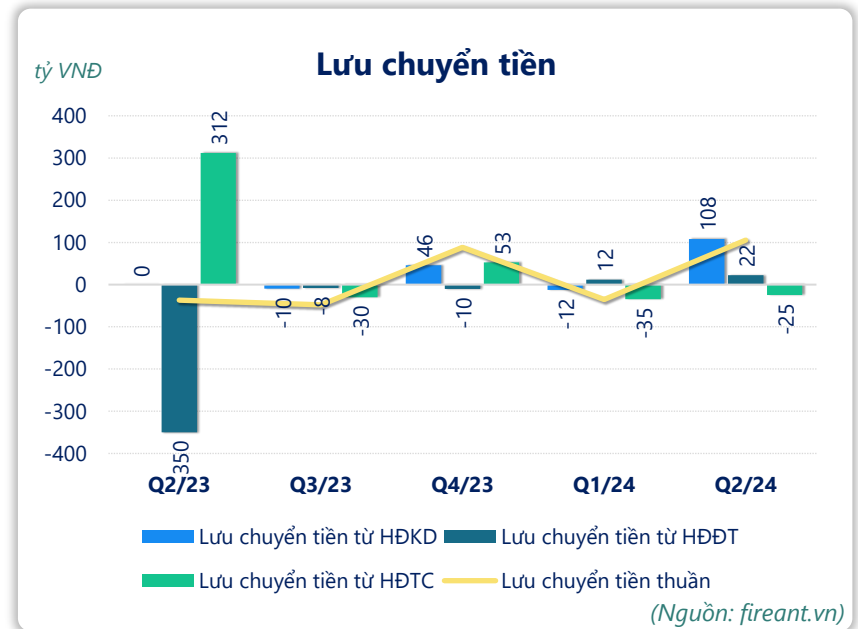
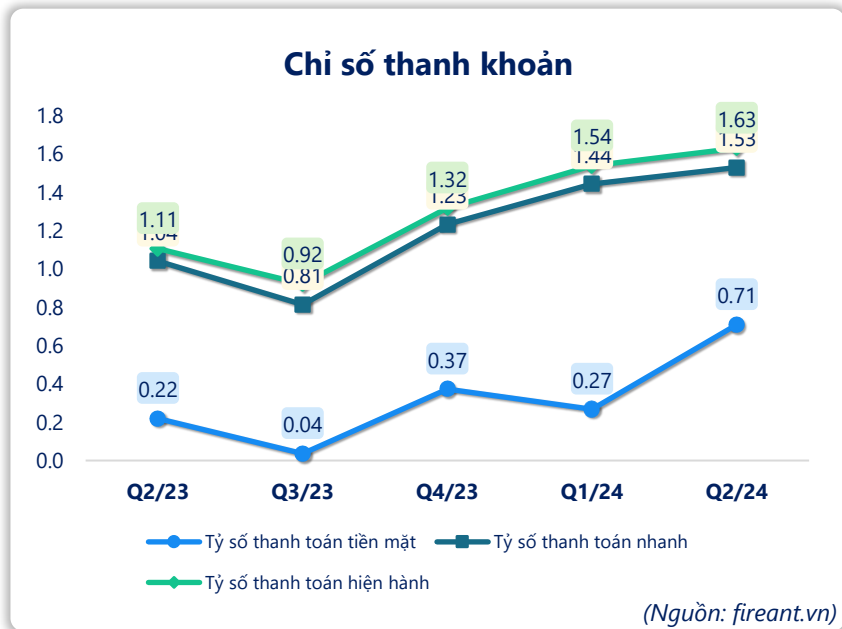
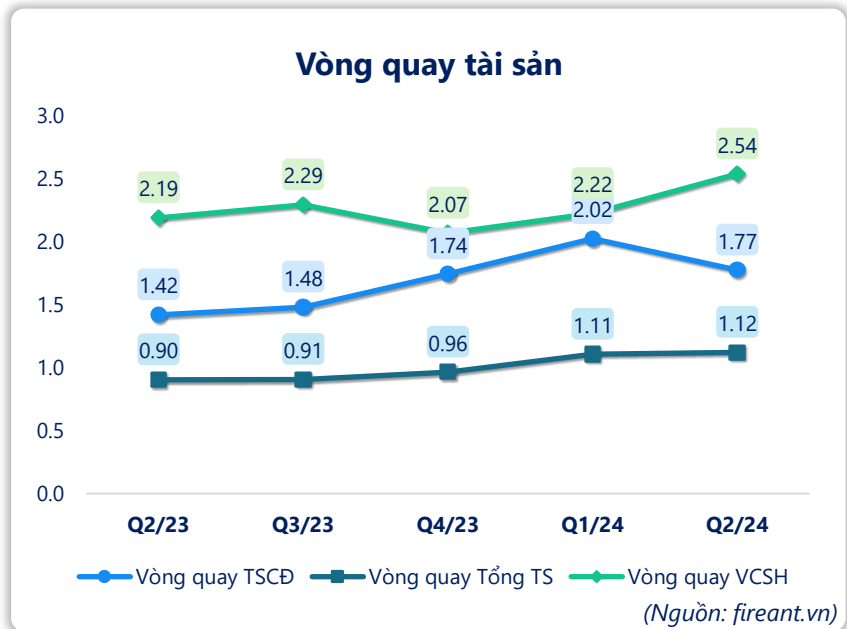
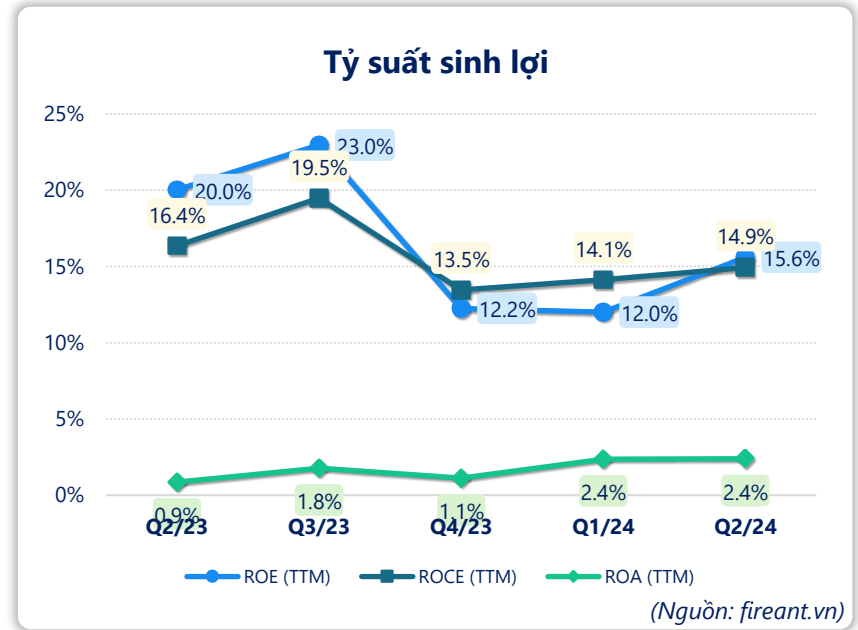
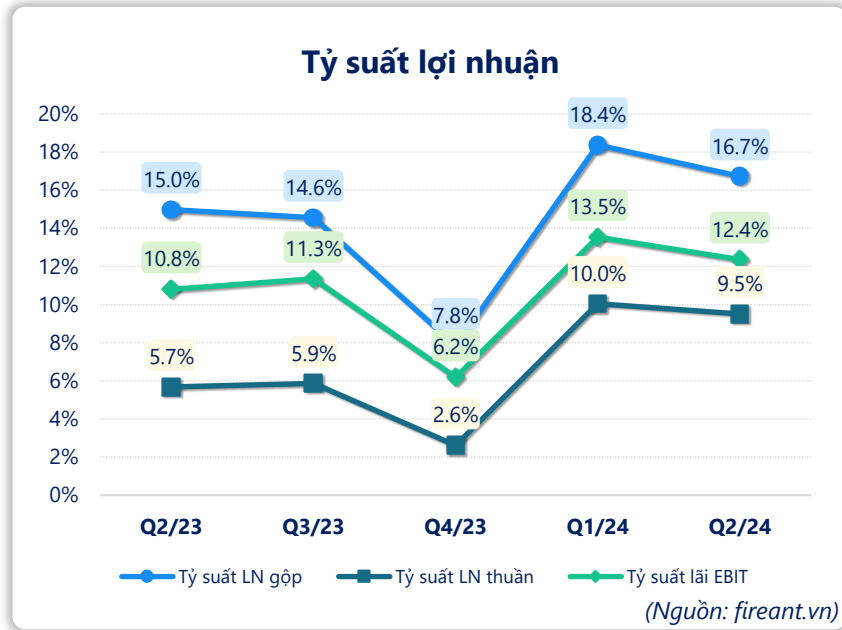
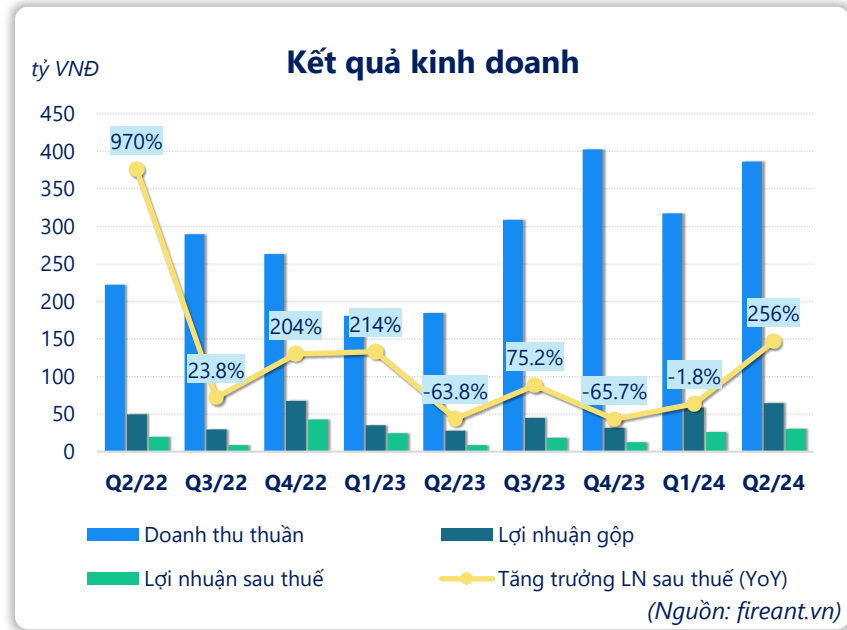


Thông tin giao dịch		28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		15,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		16,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		10,000
SL cổ phiếu LH		37,087,331
KLGD BQ 20 phiên (CP)		66,080
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		571
P/E		6.6
EPS		2,345

	YTD	1T	3T	6T
PDV	45.3%	6.2%	36.3%	42.6%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,292	1,311	-1.5%
Tài sản ngắn hạn	391	352	11.1%
Tiền và tương đương tiền	170	99.4	70.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	50.0	81.0	-38.3%
Phải thu ngắn hạn	88.0	78.3	12.5%
Hàng tồn kho	24.0	22.6	6.2%
Tài sản ngắn hạn khác	58.7	70.3	-16.6%
Tài sản dài hạn	901	960	-6.1%
Phải thu dài hạn	14.8	14.8	0.0%
Tài sản cố định	756	803	-5.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.04	0.01	8552%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	129	142	-8.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	648	717	-9.6%
Nợ ngắn hạn	240	266	-10.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	72.4	82.9	-12.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	69.1	101	-31.9%
Nợ dài hạn	408	450	-9.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	408	450	-9.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	644	594	8.4%
Vốn chủ sở hữu	644	594	8.4%
Vốn điều lệ	431	431	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	185	309	402	317	386
Giá vốn hàng bán	157	264	371	259	322
Lợi nhuận gộp	27.7	44.9	31.6	58.3	64.6
Doanh thu HĐTC	8.29	4.02	3.42	2.70	4.48
Chi phí TC	9.83	19.8	9.66	15.3	16.0
Chi phí lãi vay	9.11	12.2	8.40	11.0	10.0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	15.7	11.0	14.8	13.8	16.3
LN thuần từ HĐKD	10.5	18.1	10.5	31.9	36.7
Lợi nhuận khác	0.36	4.75	5.98	0.11	0.99
LN trước thuế	10.8	22.9	16.5	32.0	37.7
Lợi nhuận sau thuế	8.72	18.3	12.4	26.0	30.2
LNST của CĐ cty mẹ	8.72	18.3	12.4	26.0	30.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.46	-9.71	45.9	-12.2	108
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-350	-8.14	-10.0	11.7	22.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	312	-30.0	52.7	-34.5	-24.9
Tiền đầu kỳ	95.9	58.7	10.9	99.4	64.5
Lưu chuyển tiền thuần	-37.1	-47.9	88.6	-35.1	105
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.05	0	0	0.12	0.05
Tiền cuối kỳ	58.7	10.9	99.4	64.5	170

(Nguồn: fireant.vn)